

Bản án số: 05 /2018/HC-ST

Ngày: 11 - 4 - 2018

V/v khiếu kiện quyết định

giải quyết khiếu nại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí và Ông Nguyễn Hữu Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 11 /4/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLST-HC ngày 12 tháng 12 năm 2017 về khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXXST-HC ngày 28 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* ông Nguyễn Đức H; địa chỉ: 56 đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Đức M (Bố của ông Nguyễn Đức H); địa chỉ: 56 đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (Theo giấy uỷ quyền ngày 16/11/2017, Chứng thực số:126/2017 ngày 16/11/2017 của Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình). Có mặt tại phiên tòa.

2. *Người bị kiện:* Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình - ông Đoàn Vĩ T, có mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chi Cục trưởng Chi cục Thuế thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Đoàn Văn L - Phó Chi Cục trưởng Chi Cục Thuế thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (Theo giấy uỷ quyền ngày 28/12/2018 của Phó Cục trưởng Cục Thuế tỉnh phụ trách Chi cục Thuế thành phố Đ), có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Người khởi kiện trình bày:* Hộ ông Nguyễn Đức H sử dụng thửa đất số 195, tờ bản đồ số 54, diện tích 94,5 m², trong đó có 50 m² đất ở và 44,5 m² đất vườn tại phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ngày 21/7/2017, Chi cục Thuế thành phố Đ (sau đây gọi tắt là Chi cục Thuế Đ) có Thông báo nộp thuế số: 11/TBNT - CCT thông báo số tiền nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2017 của ông Nguyễn Đức H là 605.195 đồng. Nhận thấy số tiền nộp thuế năm 2017 quá cao so với những năm trước (năm 2012, 2013 số tiền phải nộp là 233.100 đồng), ngày 26/7/2017, ông Nguyễn Đức H có đơn đề nghị Chi cục Thuế Đ cho biết cách xác định tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2017 đối với thửa đất của ông. Ngày 28/7/2017, Chi cục Thuế Đ có Công văn số: 1575/CCT-KK về việc “trả lời thắc mắc của ông Nguyễn Đức H” về cách tính thuế.

Không nhất trí với cách tính thuế của Chi cục Thuế Đ, ngày 02/8/2017, ông Nguyễn Đức H làm đơn khiếu nại đề nghị Chi cục Thuế Đ xem xét, tính thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với 44,5 m² đất vườn theo thuế suất 0,03%, không phải theo thuế suất 0,15% mà Chi cục Thuế Đ áp dụng. Ngày 19/9/2017, Chi cục trưởng Chi cục Thuế Đ đã ban hành Quyết định số: 1955/QĐ-CCT về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức H, quyết định không công nhận các nội dung ông Nguyễn Đức H khiếu nại; giữ nguyên các nội dung tại Thông báo nộp thuế số: 11/TBNT - CCT ngày 21/7/2017.

Không nhất trí với Quyết định giải quyết khiếu nại trên, ngày 11/9/2017, ông Nguyễn Đức H đã uỷ quyền cho ông Nguyễn Đức M làm đơn khiếu nại lần 2 đề nghị Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình xem xét, giải quyết cho ông H nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2017 của 44,5 m² đất vườn theo thuế suất 0,03%. Ngày 09/11/2017, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số: 3907/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại ông Nguyễn Đức M (lần hai), quyết định không công nhận nội dung khiếu nại về cách xác định và tính thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2017 của ông Nguyễn Đức M; giữ nguyên quyết định số: 1955/QĐ-CCT ngày 19/9/2017 của Chi cục Trưởng Chi cục Thuế Đ.

Không nhất trí với Quyết định giải quyết khiếu nại số: 3907/QĐ-CT của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình, ông Nguyễn Đức H khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, yêu cầu giải quyết các nội dung:

- Tuyên huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại Số: 3907/QĐ-CT ngày 09/11/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình về việc “giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức M (lần 2)”.

- Yêu cầu Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình xác định thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp năm 2017 đối với 44,5 m² đất vườn trong thửa đất ở của gia đình ông được áp dụng thuế suất 0,03% đối với diện tích trong hạn mức.

* *Người bị kiện trình bày:* Việc ban hành Quyết định số 3907/QĐ-CT ngày 09/11/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình về việc giải quyết khiếu nại

của ông Nguyễn Đức M (lần 2) là đúng quy định của pháp luật. Hộ ông Nguyễn Đức H được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã Đ (nay là thành phố Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 54, diện tích 94,5 m², trong đó 50 m² đất ở và 44,5 m² đất vườn tại phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Năm 2004, ông Nguyễn Đức H đã xây dựng nhà ở kiên cố trên toàn bộ diện tích 94,5 m² tại thửa đất nói trên. Ngày 30/12/2009, ông Nguyễn Đức H đã nộp hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất đối với diện tích 44,5 m² đất vườn sang đất ở và đã được UBND thành phố Đ cho phép (theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 28/01/2010) và phải nộp tiền sử dụng đất theo thông báo của Cơ quan Thuế. Tuy nhiên, cho đến nay thì ông Nguyễn Đức H vẫn chưa hoàn thành việc chuyển mục đích sử dụng đất. Do đó, Chi cục Thuế Đ xác định 50 m² đất ở sử dụng đúng mục đích được áp dụng thuế suất 0,03%, còn lại 44,5 m² đất vườn (chưa chuyển đổi sang đất ở nhưng đã xây dựng nhà trên đó) là đất sử dụng không đúng mục đích nên áp dụng thuế suất 0,15% là đúng quy định. Trong trường hợp ông Nguyễn Đức H muốn áp dụng mức thuế suất 0,03% cho toàn bộ diện tích 94,5 m² thì phải chuyển mục đích sử dụng 44,5 m² đất vườn sang đất ở. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:* Nhất trí với các nội dung mà Cục trưởng Cục Thuế đã trình bày ở trên. Riêng vấn đề ông M cho rằng trước đây (năm 2012, 2013) mức thuế thấp là do thời gian đó Chi cục Thuế chỉ căn cứ vào bản kê khai của hộ gia đình, theo đó gia đình ông Nguyễn Đức H đã tự kê khai toàn bộ diện tích 94,5 m² là đất ở nên Chi cục Thuế Đ đã áp dụng thuế suất 0,03% đối với 94,5 m²; sau này gia đình ông Nguyễn Đức H kê khai lại diện tích đất theo đúng như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (50 m² đất ở và 44,5 m² đất vườn) nên Chi cục Thuế Đ áp dụng mức Thuế suất theo đúng quy định, cụ thể: 50m² đất ở áp dụng mức 0,03% còn 44,5m² đất vườn áp dụng mức 0,15%. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Đức H.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Trong quá trình tiến hành tố tụng từ giai đoạn thụ lý cho đến hết phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế Đ và Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình đối với ông Nguyễn Đức H là thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của Luật khiếu nại; nội dung giải quyết đúng quy định của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành; yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H không có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H; buộc ông Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí Hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Đơn khởi kiện vụ án hành chính của ông Nguyễn Đức H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình hủy Quyết định số: 3907/QĐ-CT ngày 09/11/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức M (lần 2) và yêu cầu Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình xác định thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp năm 2017 đối với 44,50 m² đất vườn trong cùng thửa đất ở của gia đình được áp dụng thuế suất 0,03 %.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính thì Quyết định số: 3907/QĐ-CT ngày 09/11/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình là quyết định giải quyết khiếu nại lần hai, còn yêu cầu của ông Nguyễn Đức H về việc buộc Cục trưởng Cục Thuế Quảng Bình xác định lại thuế suất sử dụng đất là một phần nội dung khi xem xét quyết định số: 3907/QĐ - CT, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số: 3907/QĐ-CT của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức M (lần 2) được ban hành vào ngày 09/11/2017. Do không đồng ý với quyết định trên nên đến ngày 20/11/2017 ông Nguyễn Đức H khởi kiện tại Tòa án. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số: 3907/QĐ - CT ngày 09/11/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình:

- Về thẩm quyền ban hành: Quyết định số: 3907/QĐ - CT ngày 09/11/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình do ông Đoàn Vĩ T - Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình trực tiếp ký là quyết định giải quyết khiếu nại lần hai đối với Quyết định số: 1955/QĐ-CCT ngày 19/9/2017 là quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chi cục trưởng Chi cục Thuế Đ về vấn đề xác định tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của ông Nguyễn Đức H là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền.

- Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số: 3907/QĐ - CT ngày 09/11/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình: Sau khi nhận được khiếu nại lần 2 của ông Nguyễn Đức M (được ông Nguyễn Đức H uỷ quyền khiếu nại), Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình đã chỉ đạo bộ phận nghiệp vụ tiến hành thụ lý đơn, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; thành lập Hội đồng tư vấn; tiến hành đối thoại với ông Nguyễn Đức M. Căn cứ vào các quy định của pháp luật, xét đơn khiếu nại của ông Nguyễn Đức M và ý kiến của Hội đồng tư vấn, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình đã ban hành Quyết định số: 3907/QĐ - CT ngày 09/11/2017 về việc giải quyết khiếu nại ông Nguyễn Đức M (lần hai) là đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

- Về nội dung của Quyết định số: 3907/QĐ - CT ngày 09/11/2017 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Bình:

Hội đồng xét xử thấy: Ngày 04/7/2002, ông Nguyễn Đức H được UBND thị xã Đ (nay là UBND thành phố Đ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 417118, thửa đất số 195, tờ bản đồ số 54, diện tích 94,5 m², trong đó 50,0 m² đất ở (thời hạn sử dụng lâu dài) và 44,5 m² đất vườn (thời hạn sử dụng đến tháng 01/2022). Nguồn gốc thửa đất trên là do ông Nguyễn Đức H nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất của ông, bà Nguyễn Ngọc C - Hoàng Thị V. Thửa đất của ông Nguyễn Đức H đang sử dụng thuộc đối tượng chịu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp theo quy định của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Năm 2004, ông Nguyễn Đức H đã xây dựng nhà kiên cố (nhà 03 tầng) trên toàn bộ diện tích 94,5 m² đất được cấp.

Quan điểm của ông Nguyễn Đức M cho rằng: Theo khoản 1 Điều 2 Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp thì đối tượng chịu thuế là đất ở tại đô thị; Điều 144 Luật đất đai năm 2013 quy định “*Đất ở tại đô thị gồm đất để xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình phục vụ đời sống, vườn, ao trong cùng một thửa đất thuộc khu dân cư đô thị,...*”; khoản 1 Điều 103 Luật đất đai năm 2013 quy định “*Đất vườn, ao của hộ gia đình, cá nhân được xác định là đất ở phải trong cùng một thửa đất đang có nhà ở...*”; và theo Quyết định số: 25/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND Tỉnh Quảng Bình quy định hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất ở tại địa bàn phường Đ, thành phố Đ là 150 m². Do đó thửa đất của ông Nguyễn Đức H có diện tích 94,5 m² đất là đất ở tại đô thị thuộc nhóm đất phi nông nghiệp và nằm trong hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở của UBND tỉnh, vì vậy đương nhiên toàn bộ diện tích 94,5 m² là đất ở, và được áp dụng thuế suất 0,03 %.

Xét thấy các quy định của Luật đất đai và Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp như ông M trình bày ở trên là đúng. Tuy nhiên, không có nghĩa là toàn bộ *đất để xây dựng nhà ở, xây dựng các công trình phục vụ đời sống, vườn, ao trong cùng một thửa đất thuộc khu dân cư đô thị* đều đương nhiên trở thành đất ở tại đô thị. Việc công nhận đất ở tại đô thị phải được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Người sử dụng đất phải có hồ sơ xin cấp đất, nếu diện tích đất ở ít hơn hạn mức cấp đất ở theo quy định của địa phương thì có quyền làm đơn xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất vườn, đất trồng cây lâu năm... sang đất ở. Sau khi nhận được hồ sơ xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất của người sử dụng đất thì Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thẩm định, nếu đủ điều kiện thì ra quyết định cho chuyển đổi mục đích sử dụng đất và người sử dụng đất phải nộp lệ phí theo thông báo của Cơ quan thuế thì mới được Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận quyền sử dụng đất.

Đối với trường hợp của ông Nguyễn Đức H, ngày 30/12/2009 ông Nguyễn Đức H đã nộp hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đối với 44,5 m² đất vườn sang đất ở. Ngày 28/01/2010, UBND thành phố Đ đã ban hành Quyết định số: 355/QĐ-UBND cho phép ông Nguyễn Đức H chuyển mục đích sử dụng đất đối với 44,5 m² đất vườn sang đất ở, ông H phải nộp tiền sử dụng đất và phí, lệ phí theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, Chi cục Thuế thành phố Đ đã thông báo cho ông Nguyễn Đức H nộp lệ phí trước bạ nhưng ông Nguyễn Đức H chưa nộp. Ngày 23/02/2011 ông Nguyễn Đức H viết giấy xin rút hồ

sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất đối với 44,5 m² đất vườn (Bút lục số 143). Đến giai đoạn hiện nay thì ông Nguyễn Đức H vẫn chưa thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng 44,5 m² đất vườn thành đất ở.

Theo quy định tại Điều 6 Luật đất đai quy định về nguyên tắc sử dụng đất thì: “1. *Đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất*”; Tại khoản 6 Điều 7 của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp quy định: “*Đất sử dụng không đúng mục đích, đất chưa sử dụng theo đúng quy định áp dụng mức thuế suất 0,15 %*”; Còn tại Điều 2 của Thông tư số: 45/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ tài nguyên môi trường hướng dẫn xác định diện tích đất sử dụng không đúng mục đích, diện tích đất lấn, chiếm, diện tích đất chưa sử dụng theo đúng quy định để tính thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: “1.1. *Đất sử dụng không đúng mục đích là đất đang sử dụng vào mục đích thuộc đối tượng chịu thuế quy định tại Điều 2 của Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (dưới đây gọi là mục đích chịu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp) nhưng không đúng với mục đích sử dụng đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc giấy tờ khác về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật Đất đai (dưới đây gọi là giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất), kể cả các trường hợp sau đây: a. Trường hợp đang sử dụng vào một mục đích, nhưng trong giấy tờ hợp pháp về quyền sử đất ghi sử dụng vào nhiều mục đích...*”; Khoản 3 Điều 5 của Thông tư số: 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp quy định: “*Diện tích đất lấn, chiếm, đất sử dụng không đúng mục đích, đất chưa sử dụng theo đúng quy định được xác định theo quy định của Bộ Tài nguyên Môi trường*”.

Căn cứ vào các quy định trên thì việc Cơ quan Thuế xác định và tính thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2017 đối với thửa đất của ông Nguyễn Đức H, trong đó 50 m² đất ở sử dụng đúng mục đích nên được áp dụng thuế suất 0,03% còn 44,5 m² đất vườn đã xây dựng nhà kiên cố là đất sử dụng không đúng mục đích được áp dụng thuế suất 0,15% là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình không công nhận khiếu nại của ông Nguyễn Đức M (do ông Nguyễn Đức H ủy quyền khiếu nại) là có căn cứ.

Yêu cầu của ông Nguyễn Đức H về việc hủy quyết định giải quyết khiếu nại ông Nguyễn Đức M (lần hai) và buộc Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình xác định thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp năm 2017 đối với 44,5 m² đất vườn trong thửa đất ở của ông được áp dụng thuế suất 0,03% là không có căn cứ pháp luật nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí: ông Nguyễn Đức H khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính. Căn cứ vào Điều 6 Luật đất đai năm 2013; Điều 7 Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Điều 2 của Thông tư số: 45/2011/TT-BTNMT ngày 26/12/2011 của Bộ tài nguyên môi trường hướng dẫn xác định diện tích đất sử dụng không đúng mục đích, diện tích đất lấn, chiếm, diện tích đất chưa sử dụng theo đúng quy định để tính thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Điều 5 của Thông tư số: 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H về huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số: 3907/QĐ-CT ngày 09/11/2017 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Đức M (lần 2) và yêu cầu Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Bình xác định thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp năm 2017 đối với 44,5 m² đất vườn trong thửa đất ở của gia đình ông được áp dụng thuế suất 0,03% đối với diện tích trong hạn mức.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Đức M (bố của anh Nguyễn Đức H) đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình theo biên lai số AA/2017/0004965 ngày 07/12/2017.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Toà HC; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Hữu Sỹ